

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2024

"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (có mặt).

2 Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05/8/2024, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn N ngày 13/6/2011, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm và ở riêng đến năm 2019 chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh N tại thôn Đ, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên uống rượu về chửi và đánh chị. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị xin được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 2 con chung là Trần Lâm H1, sinh ngày 08/9/2007 và Trần Yên N1, sinh ngày 31/5/2013. Hiện nay cháu H1 đang đi học tại tỉnh Bình Phước còn cháu N1 đang ở cùng chị và anh N. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn N, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024 bà Bùi Thị Đ là mẹ anh N trình bày: Bà kết hôn cho anh N lấy chị H năm 2011. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu gia đình bà, tình cảm vợ chồng hòa thuận sau phát sinh mâu thuẫn là do năm 2022 chị H nhắn tin với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng cãi chửi đánh nhau. Nay chị H xin ly hôn bà mong muốn anh chị đoàn tụ. Về con chung của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Nếu ly hôn bà đề nghị anh N được nuôi cả hai con. Về tài sản, công nợ, công sức của anh chị có gì bà không biết. Hiện nay anh N vẫn ở cùng nhà bà, anh đi làm trưa tối vẫn về nhà, những lần Tòa án triệu tập anh N gia đình đều nhận được nhưng do anh N bận công việc nên không đến Tòa làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024 cháu Trần Lâm H1 trình bày cháu học xong lớp 11 trường Cao đẳng công nghiệp cao su tỉnh Bình Phước, quá trình chung sống cháu thấy bố hay uống rượu và đánh mẹ cháu. Nay mẹ xin ly hôn cháu mong muốn bố mẹ ly hôn để giải thoát cho mẹ. Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2024 cháu Trần Yên N1 trình bày cháu học xong lớp 5 trường tiểu học S1, quá trình chung sống cháu thấy bố hay uống rượu và đánh mẹ cháu. Nay mẹ xin ly hôn cháu để bố mẹ tự quyết định. Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng mẹ vì mẹ cháu chăm sóc cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung đề nghị giao cho chị H nuôi cả hai con, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Văn N, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 05/8/2024 Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn đối với anh Trần Văn N. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị H và anh N có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan sống nên thường hay cãi nhau, anh N thường hay uống rượu và đánh chị H. Mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2022. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Anh N không đến Tòa nên không biết quan điểm ra sao, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhiều lần anh N cũng không đến Tòa điều đó thể hiện anh N không mong muốn đoàn tụ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị H xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn N.

Về con chung: Xét đề nghị của chị H Hội đồng xét xử thấy rằng về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung là như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Tuy nhiên hiện nay anh N không đến Tòa không biết quan điểm ra sao, nguyện vọng của hai cháu đề muốn được ở với mẹ, mặt khác cháu H1 tuy đi học xa nhưng hàng tháng chị H vẫn gửi tiền học cho cháu. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Trần Văn N không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Lâm H1, sinh ngày 08/9/2007 và Trần Yến N1, sinh ngày 31/5/2013 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được (Hiện nay cháu H1 đang đi học tại tỉnh Bình Phước; cháu N1 đang ở cùng chị và anh N). Chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000417 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án. Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã S (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh